

Bản án số: 149/2018/HC-PT
Ngày: 16 - 5 - 2018
V/v khiếu kiện Quyết định hành chính
giải quyết khiếu nại về đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 260/2017/TLPT-HC ngày 28 tháng 8 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính giải quyết khiếu nại về đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2017/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 670/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Trịnh Xuân H, sinh năm 1955 (có mặt).

2. Bà Phan Thị L, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 1390 đường 30/4, Phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Quốc C, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 64/1A đường Nguyễn H1, phường Nguyễn An N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Địa chỉ: 89 đường Lý Thường K, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Vũ T– Phó Chủ tịch UBND thành phố V (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Hồ Sỹ P- Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân thành phố V (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 06/5/2013, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V ban hành Quyết định số 1467/QĐ-UBND về việc thu hồi 6,2m² đất tại số 1390 đường 30/4, Phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu do ông Trịnh Xuân H và bà Phan Thị L đang sử dụng để xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 30/4, thành phố V. Không đồng ý với Quyết định này, ông Trịnh Xuân H làm đơn khiếu nại yêu cầu điều chỉnh Quyết định thu hồi đất từ 6,2m² thành 39,0m² đất, tức bổ sung 32,8m² cho đúng thực tế sử dụng và nguồn gốc sử dụng đất của mình.

Ngày 19/8/2016, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3228/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung bác đơn khiếu nại của ông Trịnh Xuân H và giữ nguyên Quyết định số 1467/QĐ-UBND.

Ngày 15/9/2016, ông Trịnh Xuân H và bà Phan Thị L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V; buộc UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi phần diện tích ước tính khoảng 29,05m² còn lại chưa có quyết định thu hồi đất tại địa chỉ 1390 đường 30/4, Phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu mà ông, bà đang sử dụng.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2016 và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1986, gia đình ông H mua đất của ông Lê Văn T1, bà Phạm Thị T2, có Giấy mua bán nhà và Giấy xác nhận chủ quyền nhà, có tứ cận như sau: phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn K1, phía Tây giáp đất còn lại của ông T1, phía Bắc giáp đường 30/4, phía Nam giáp đất của Hải quân. Trên đất có một căn nhà vách ván lợp tôn diện tích 60m².

Năm 1993, ông H mua thêm 30m² đất của bà Q bằng giấy viết tay, cũng có một căn nhà vách ván lợp tôn tại vị trí giáp đường 30/4.

Năm 1993, ông H xin sửa chữa nhà. Ông H đã phá bỏ hai căn nhà cũ, xây dựng nhà lùi vào phía sau. Phần diện tích đất trống phía trước giáp mặt đường 30/4 ông H xây hai bức tường hai bên, lợp mái tôn để sử dụng. Khoảng năm 2007, ông H có xây một căn nhà tạm làm nhà kho trên phần đất trống phía trước này.

Năm 2007, ông H làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì đất của ông H đã có tứ cận giáp ranh, nên không đề ý đến phần mặt tiền giáp đường 30/4, nên khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 248m² ông H cũng không có ý kiến gì vì nghĩ đã có phần đất phía trước giáp đường 30/4.

Ngày 01/10/2012, Nhà nước kiểm kê thu hồi đất của ông H để làm đường 30/4. Trong Biên bản kiểm kê vẫn thể hiện hiện trạng có nhà kho, mái che tôn trên phần đất này.

Như vậy, diện tích đất giáp mặt đường 30/4 hộ ông H đã sử dụng liên tục và hợp pháp từ khi mua đến nay, có kê khai đăng ký và đóng thuế đầy đủ. Nhưng đến năm 2013, UBND thành phố V lại ban hành Quyết định số 1467/QĐ-UBND chỉ thu hồi và bồi thường cho ông H diện tích 6,2m² đất nằm trong giấy, phần diện tích đất còn lại nằm giáp mặt đường 30/4 thì UBND thành phố V không có quyết định thu hồi cho ông H với lý do nằm ngoài giấy đã cấp cho ông H là không đúng.

Trong khi đó, các nhà liền kề sử dụng đất tương tự như ông H thì lại được thu hồi, bồi thường. Đó là nhà ông T3 số nhà 1388, nhà ông Nguyễn Văn B số 1386, nhà bà O số nhà 1384.

Do vậy ông H, bà L khởi kiện Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V, yêu cầu hủy quyết định này và buộc UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi bổ sung phần diện tích còn thiếu của gia đình ông.

Theo các văn bản ý kiến, cũng như quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cùng trình bày:

Ngày 06/5/2013, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1467/QĐ-UBND về việc thu hồi 6,2m² do ông Trịnh Xuân H, bà Phan Thị L đang sử dụng để xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 30/4, Phường 12, thành phố V. Phần đất 6,2m² này thuộc thửa 24+48 tờ bản đồ số 14, Phường 12, thành phố V có nguồn gốc như sau:

+ Nhà đất tại số 1390, đường 30/4, Phường 12 do hộ ông Trịnh Xuân H – bà Phan Thị L đang sử dụng có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T1 và bà Phạm Thị T2 ngày 03/10/1986 với diện tích đất 135m² và mua bằng giấy viết tay của bà Vũ Thị Q ngày 30/9/1993 diện tích đất 30m².

+ Ông Trịnh Xuân H có tên trên bản đồ giải thửa và sổ mục kê ruộng đất năm 1993 của UBND Phường 11 tổng diện tích là 248m² (thửa 278, diện tích 218m² và thửa 518, diện tích 30m², thuộc tờ bản đồ số 25).

+ Ngày 14/8/2007, UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 814149, diện tích đất 248m² thuộc thửa 24 + 48 tờ bản đồ số 14 Phường 12 (tọa lạc tại số 1390, đường 30/4) cho ông Trịnh Xuân H – bà Phan Thị L, trong đó có 218m² đất ở và 30m² đất trồng cây lâu năm.

- Theo Biên bản kiểm kê (đất, nhà cửa, vật kiến trúc, hoa màu cây trái) do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V lập ngày 01/10/2012 với sự tham dự và ký tên của ông Trịnh Xuân H (chủ hộ), thì kết quả kiểm kê diện tích đất thu hồi (công trình: Cải tạo, nâng cấp đường 30/4, Phường 12) của hộ ông Trịnh Xuân H là 6,2m². Phần diện tích đất này đã được UBND thành phố V công nhận cho hộ ông Trịnh Xuân H theo Giấy chứng nhận QSD đất số AI 814149 ngày 14/8/2007.

- Đối với phần đất có diện tích 32,8m² mà ông Trịnh Xuân H cho rằng đang sử dụng thực tế và chưa được ban hành quyết định thu hồi không thuộc diện tích ông H nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T1 – bà Phạm Thị T2 và bà Vũ Thị Q, không thuộc diện tích 248m² đất ông H đứng tên kê khai đăng ký sử dụng năm 1993, không được UBND Phường 12 công nhận, nằm ngoài diện tích 248m² đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 814149 ngày 14/8/2007.

Như vậy, Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của UBND thành phố V về việc thu hồi 6,2m² đất tại Phường 12 do ông Trịnh Xuân H – bà Phan Thị L đang sử dụng để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường 30/4, Phường 12, thành phố V đã được ban hành đúng trình tự quy định.

Do đó, UBND thành phố V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân H, bà Phan Thị L và vẫn giữ nguyên Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của Chủ tịch UBND thành phố V.

Tại Bản án hành chính số 22/2017/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân H, bà Phan Thị L đối với Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V. Hủy Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V về giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Xuân H (lần đầu) đối với Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của UBND thành phố V. Buộc UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi đất bổ sung đối với phần diện tích đất ông Trịnh Xuân H, bà Phan Thị L sử dụng thực tế tại địa chỉ 1390 đường 30/4, Phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/7/2017, Chủ tịch UBND thành phố V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa Bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân H đối với Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V về giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của Chủ tịch UBND thành phố V, sửa phần án phí hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND thành phố V vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND thành phố V trình bày: Nguồn gốc nhà đất số 1390 đường 30/4, Phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu là do ông H, bà L nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T1 và bà Phạm Thị T2 với diện tích đất 135m² và của bà Vũ Thị Q diện tích đất 30m² liền kề phía trước, có đăng ký kê khai diện tích 248m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007 diện tích 248m². Khi thu hồi đất, thể hiện tại biên bản kiểm kê diện tích đất thu hồi 6,2m², phần diện tích bên ngoài thì theo bản đồ năm 2002 là đất giao thông do Nhà nước quản lý nên không thực hiện thu hồi. Phần diện tích này ngoài diện tích ông H kê khai đăng ký nên không thu hồi bổ sung. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông H, sửa bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố V:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Theo Biên bản kiểm kê (đất, nhà cửa, vật kiến trúc, hoa màu) của hộ ông H lập ngày 01/10/2012 thể hiện phần đất ông H khiếu nại có hiện trạng: Mái che tôn nền xi măng, tường gạch tô trát 2 mặt, nhà kho. Ông H sử dụng từ năm 1993 đến nay, không bị xử lý hành chính. Căn cứ Điều 32 Luật đất đai, yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L có căn cứ. Án sơ thẩm xét xử phù hợp pháp luật. Kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố V không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:* Ông Trịnh Xuân H, bà Phan Thị L khởi kiện Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V và yêu cầu hủy quyết định này. Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V là quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quyết định số 3228/QĐ-UBND là quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của UBND thành phố V, nên quyết định số 1467/QĐ-UBND có liên quan đến quyết định bị kiện. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Khi giải quyết yêu cầu của đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cả quyết định có liên quan số 1467/QĐ-UBND và xác định UBND thành phố V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố V đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân H đối với Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V về giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của Chủ tịch UBND thành phố V, sửa phần án phí hành chính sơ thẩm vì phần diện tích 32,8 m² ông H cho rằng đang sử dụng thực tế và chưa được ban hành quyết định thu hồi không thuộc diện tích ông H nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T1, bà Phạm Thị T2 và bà Vũ Thị Q, không thuộc diện tích 248 m² đất ông H đứng kê khai đăng ký sử dụng năm 1993, không được UBND Phường 12 công nhận, nằm ngoài diện tích 248 m² đã được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.1] *Về thẩm quyền, hình thức và trình tự thủ tục ban hành quyết định:*

Ngày 06/5/2013, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1467/QĐ-UBND về việc thu hồi 6,2 m² đất tại số 1390, đường 30/4, Phường 12, thành phố V do ông H, bà L đang sử dụng để xây dựng công trình, cải tạo nâng cấp đường 30/4, thành phố V.

Không đồng ý, ông H làm đơn khiếu nại yêu cầu điều chỉnh quyết định thu hồi đất cho đúng thực tế sử dụng và giấy tờ nguồn gốc về quyền sử dụng đất.

Ngày 19/8/2016, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3228/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) bác nội dung đơn khiếu

nại của ông H và giữ nguyên Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của Chủ tịch UBND thành phố V.

Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V và Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của Chủ tịch UBND thành phố V được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung: Nguồn gốc nhà đất số 1390 đường 30/4, Phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu là do ông H, bà L nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T1 và bà Phạm Thị T2 theo hợp đồng mua bán nhà ngày 30/9/1986, với diện tích đất 135m², trên có căn nhà tạm diện tích 60m². Ngày 19/12/1986 Sở xây dựng đặc khu đã cấp giấy xác nhận chủ quyền nhà cho ông H, bà L. Đến ngày 30/9/1993 ông H, bà L tiếp tục mua bằng giấy viết tay của bà Vũ Thị Q diện tích đất 30m² liền kề phía trước.

Ngày 14/8/2007, UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 814149, diện tích đất 248m² thuộc thửa 24 + 48 tờ bản đồ số 14 Phường 12 (tọa lạc tại số 1390, đường 30/4) cho ông Trịnh Xuân H – bà Phan Thị L, trong đó có 218m² đất ở và 30m² đất trồng cây lâu năm.

Thực hiện công trình cải tạo, nâng cấp đường 30/4, Phường 12, thành phố V. Ngày 06/5/2013, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1467/QĐ-UBND về việc thu hồi 6,2m² do ông Trịnh Xuân H, bà Phan Thị L đang sử dụng đã được cấp giấy.

Theo Biên bản kiểm kê (đất, nhà cửa, vật kiến trúc, hoa màu) của hộ ông H lập ngày 01/10/2012 thể hiện phần đất ông H khiếu nại có hiện trạng: Mái che tôn nền xi măng, tường gạch tô trát 2 mặt, nhà kho. Theo Biên bản thẩm định ngày 10/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, thể hiện: Tính từ ranh giới mép đường 30/4 hiện hữu đến phần đất ông H, bà L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích đất chiều rộng khoảng 3,8m, chiều dài khoảng 7,5m do ông H, bà L đang sử dụng ổn định, bức tường gạch tô trát 2 mặt là xây liền với tường nhà phía trong.

Như vậy theo chứng cứ, giấy tờ, nguồn gốc mua bán nhà, đất do ông H cung cấp và thực tế sử dụng, có cơ sở xác định hộ ông H sử dụng diện tích đất từ mép đường 30/4 hiện hữu đến phần đất ông H, bà L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lớn hơn diện tích đất đã được cấp giấy. Tại thời điểm sử dụng diện tích đất này từ năm 1986 đến nay, hộ ông L không lấn chiếm lòng, lề đường, phù hợp với quy hoạch, khi thu hồi đang thực tế sử dụng đất (Theo quy hoạch lòng lề đường và Công văn số 2076 ngày 31/5/2013 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V, thì bề rộng đường 30/4 theo bản đồ giải thửa năm 1993, đoạn thửa 287 tờ bản đồ 25 là 16m, lòng đường rộng 12m). Do vậy, về nguyên tắc khi thu hồi đất thì UBND thành phố V phải ban hành quyết định thu hồi đối với diện tích đất này mới phù hợp.

Mặt khác, tại Văn bản số 81/VPĐK-KTĐC ngày 19/01/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu cũng xác nhận nội dung: Theo tờ “trích đo bản đồ địa chính khu đất” thì diện tích xác định thu hồi của ông H là 6,2m² thuộc thửa 347 tờ bản đồ thu hồi đất. Tại thời điểm lập bản đồ này, đơn vị đo vẽ đã dựa trên bản đồ địa chính Phường 12 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu phê duyệt ngày 12/3/2004 để làm căn cứ xác định diện tích thu hồi đất của từng thửa đất. Tại thời điểm lập mảnh “ trích đo bản đồ địa chính khu đất” cũng như thời điểm kiểm tra do không có các tài liệu pháp lý liên quan việc sử dụng đất của gia đình ông H nên các cơ quan chức năng không có cơ sở đối chiếu, dẫn đến việc xác định diện tích thu hồi đất của gia đình ông là chưa phù hợp với thực tế sử dụng. Do hiện nay việc ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất của cá nhân, hộ gia đình đang sử dụng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện. Như vậy việc xác định lại diện tích đất phải thu hồi của ông sẽ do UBND thành phố V xem xét, giải quyết trên cơ sở kiểm tra thực tế sử dụng đất”.

Khi “trích đo bản đồ địa chính khu đất” UBND thành phố V đã không tiến hành đo đạc thực tế, dẫn đến việc xác định diện tích thu hồi đất của gia đình ông H chưa phù hợp với thực tế sử dụng.

Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của UBND thành phố V căn cứ vào “Vị trí ranh giới khu đất thu hồi thuộc thửa 347 theo trích lục bản đồ do Công ty Cổ phần đo đạc Miền đông lập ngày 04/4/2013 thuộc tờ bản đồ địa chính khu đất được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xác nhận ngày 23/7/2012”, để thu hồi diện tích 6,2m² đất của ông Trịnh Xuân H – bà Phan Thị L là chưa đủ diện tích đất, chưa phù hợp với thực tế sử dụng, chưa bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho hộ ông H.

Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp để bác yêu cầu của ông H, mà không xem xét thực tế theo quy định tại Điều 12 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, là không có căn cứ.

[2.4] Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L, hủy Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V, buộc UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất bổ sung đối với phần đất thực tế hộ ông H sử dụng tại địa chỉ 1390 đường 30/4, Phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Chủ tịch UBND thành phố V kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố V, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị, không chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND thành phố V.

[3] Về án phí: Chủ tịch UBND thành phố V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 34, 37 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố V và Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2017/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân H, bà Phan Thị L đối với Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V.

Hủy Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V về giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Xuân H (lần đầu) đối với Quyết định số 1467/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của UBND thành phố V.

Buộc UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi đất bổ sung đối với phần diện tích đất ông Trịnh Xuân H, bà Phan Thị L sử dụng thực tế tại địa chỉ 1390 đường 30/4, Phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu theo quy định của pháp luật.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu 200.000 đồng.

Hoàn lại cho ông Trịnh Xuân H, bà Phan Thị L số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000633 ngày 17/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V có trách nhiệm thi hành là 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã nộp theo Biên lai thu tiền số: TU/2016/0005718 ngày 07/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- NKK;
- NBK;
- NLQ;
- Lưu: VP; HS, 14bTNB.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương